

Số: 05/QĐ-HĐND

An Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề
“Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu”

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 về Chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XIX (nhiệm kỳ 2016-2021);

Xét đề nghị của Văn phòng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về “Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu”.

(có danh sách thành viên Đoàn giám sát kèm theo)

Điều 2. Đoàn giám sát, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Kế hoạch giám sát ban hành kèm theo quyết định này, thông báo kết luận giám sát tới các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan theo quy định, báo cáo kết quả giám sát với HĐND huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng huyện, thành viên Đoàn giám sát có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

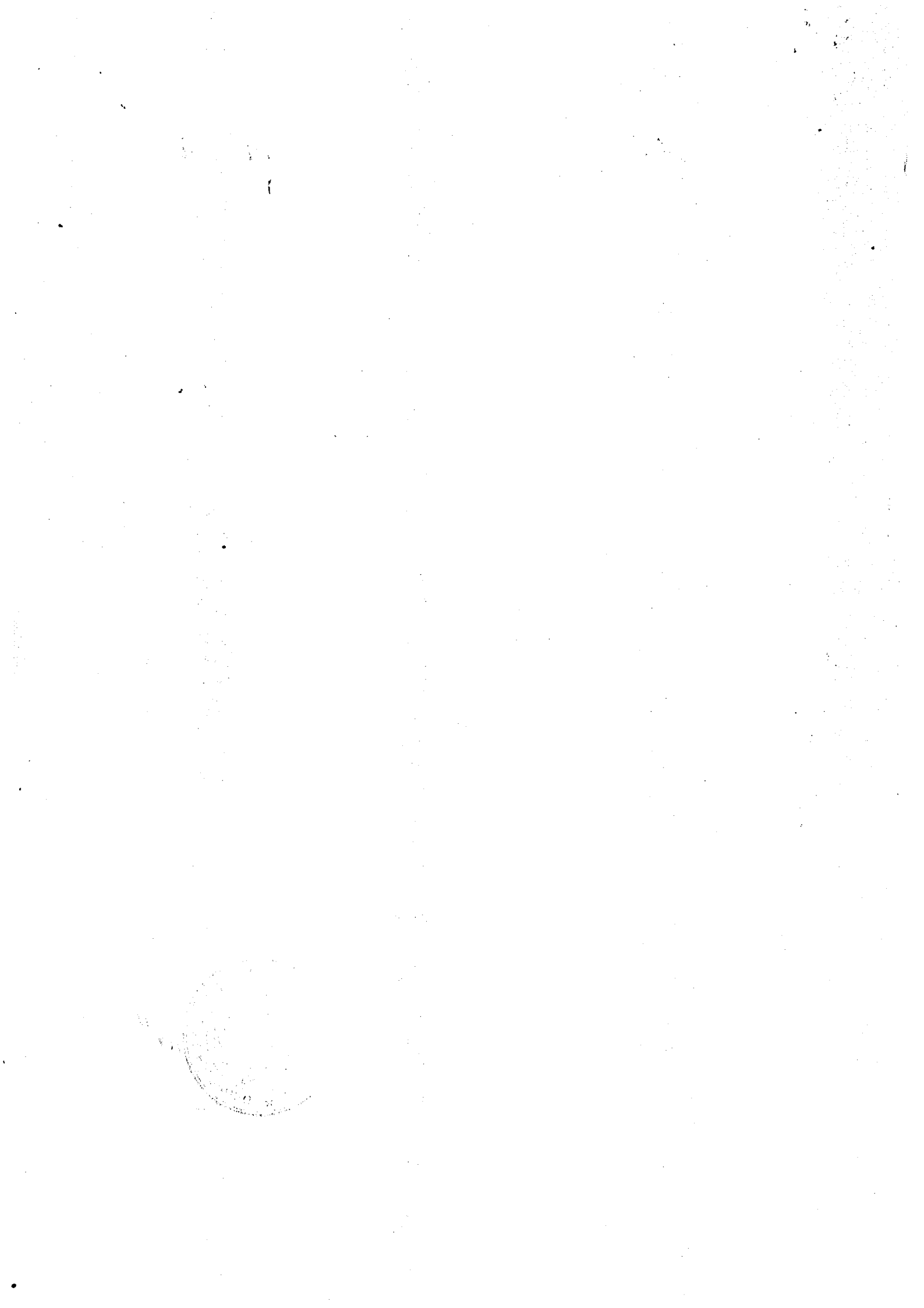
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy;
- TTHĐND, Lãnh đạo UBND; UBND TTQ VN huyện;
- Chánh Văn phòng huyện;
- Đơn vị được giám sát;
- Các phòng, ban, đơn vị huyện liên quan;
- TTHĐND, Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn.
- Đài phát thanh; Cổng thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT, Hồ sơ giám sát.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND



Trần Thị Bích Ngọc



ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG BÁO CÁO GIÁM SÁT
“Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu”
(Đối với các xã xây dựng thôn nông thôn mới nâng cao)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HĐND, ngày 14/8/2019
của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện)*

I. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện

1. Đánh giá chung

- Những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai, thực hiện.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc ban hành kế hoạch thực hiện lập quy hoạch, huy động nguồn lực, xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất, thanh quyết toán nguồn vốn...; phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra...

- Các văn bản đã ban hành, các hội nghị sơ kết đánh giá.

- Đánh giá chung những thuận lợi và khó khăn. Xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

3. Công tác tuyên truyền, vận động

- Công tác tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu (số cuộc, số lượt, hình thức, nội dung tuyên truyền, vận động, số người tham gia...).

- Đánh giá kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, vận động (kết quả thay đổi nhận thức trong từng cán bộ, đảng viên và người dân trong xây dựng nông thôn mới); những thuận lợi và khó khăn, hạn chế. Xác định nguyên nhân và có đề xuất giải pháp khắc phục.

4. Kết quả huy động nguồn lực

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí

1. Tiêu chí Giao thông

2. Tiêu chí Thủy lợi

3. Tiêu chí Điện

4. Tiêu chí Trường học

5. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa

6. Tiêu chí Nhà ở dân cư

7. Tiêu chí Sản xuất

8. Tiêu chí Lao động

9. Tiêu chí Thu nhập
10. Tiêu chí Hộ nghèo
11. Tiêu chí Giáo dục
12. Tiêu chí Y tế
13. Tiêu chí Văn hóa
14. Tiêu chí Môi trường
15. Tiêu chí Quốc phòng
16. Tiêu chí An ninh, trật tự xã hội
17. Tiêu chí Hành chính công

Đối với mỗi nội dung tiêu chí cần đánh giá cụ thể:

- Kết quả triển khai thực hiện
- Đánh giá thực trạng và so sánh với tiêu chí đặt ra
 - + Những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện.
 - + Nguyên nhân tồn tại, yếu kém (nguyên nhân chủ quan và khách quan).
 - + Đề xuất, kiến nghị.
- Đánh giá (đạt/không đạt)

(Chi tiết theo biểu gửi kèm)

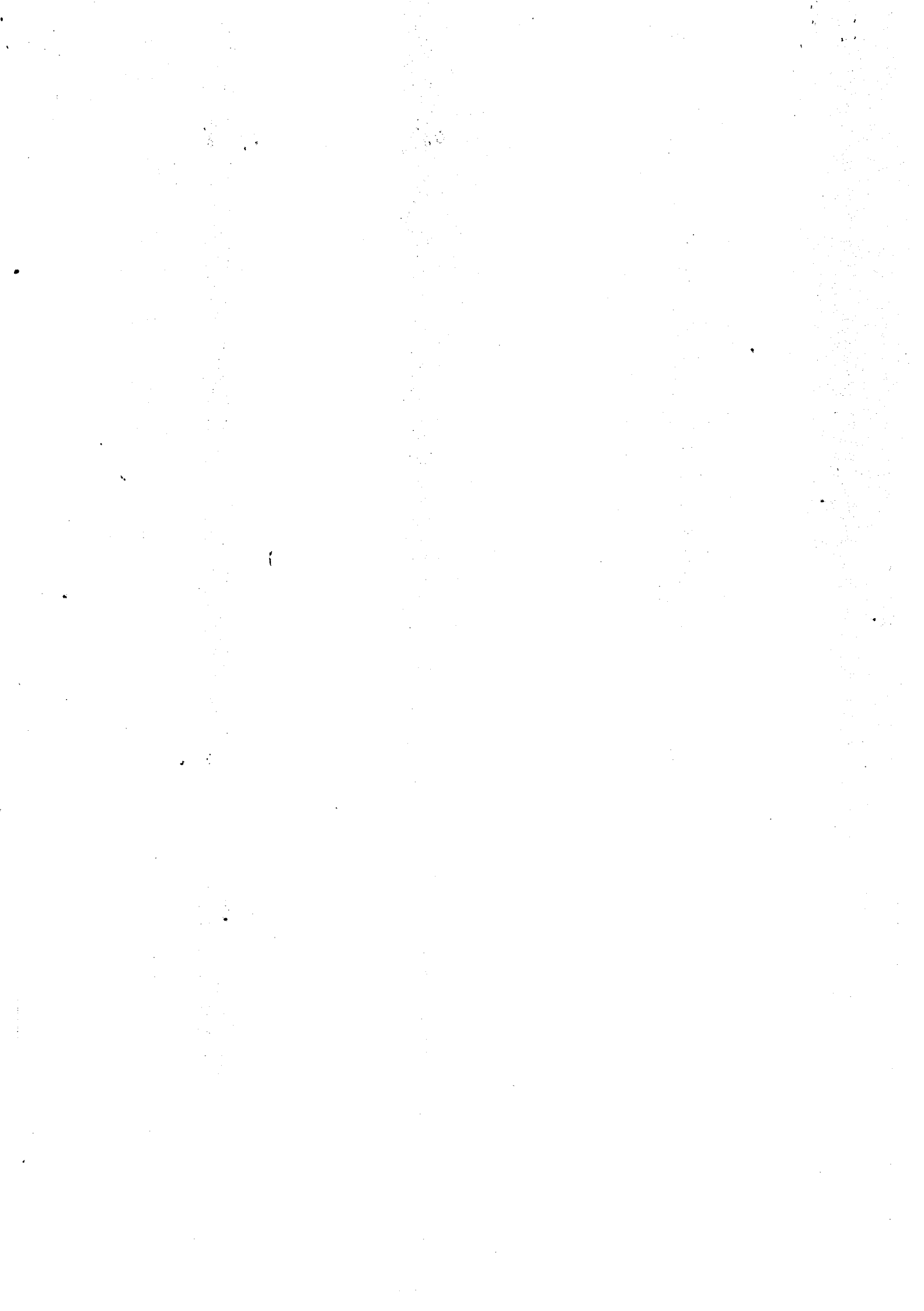
III. Kiến nghị, đề xuất

DANH SÁCH

Thành viên Đoàn giám sát

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HĐND ngày 14 / 8/2019
của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện)

1. Bà Trần Thị Bích Ngọc - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện: Chỉ đạo chung.
2. Ông Hoài Việt Thảo - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND huyện: Trưởng đoàn.
3. Ông Vũ Đức Thụy - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện: Phó Trưởng đoàn.)
4. Ông Lương Thế Quý - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Pháp chế HĐND huyện, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã An Hồng: Ủy viên.
5. Bà Bùi Thị Hà - Phó trưởng Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện: Ủy viên.
6. Ông Phạm Đức Trung - Phó trưởng Ban Pháp chế HĐND huyện: Ủy viên.
7. Bà Hoài Thị Hà Khuyên - Phó Chánh Văn phòng huyện: Ủy viên
8. Bà Phạm Thị Thúy - Chuyên viên chuyên trách HĐND huyện.



KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ
Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HĐND, ngày 14/8/2019
của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện chương trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu của các xã trên địa bàn huyện; đánh giá những kết quả đã đạt được trong thời gian qua; xác định những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan liên quan có biện pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Giám sát đảm bảo đúng kế hoạch, nội dung đề ra, việc giám sát phải khách quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị.

- Đơn vị được giám sát phải báo cáo đầy đủ, trung thực, khách quan, kịp thời theo nội dung trong đề cương giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát yêu cầu. Đề xuất, kiến nghị kịp thời, có phương án, giải pháp cụ thể, khả thi khắc phục các khó khăn, bất cập.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Nội dung

- Giám sát kết quả triển khai thực hiện chương trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Hình thức giám sát

- Tổ chức hội nghị giám sát trực tiếp tại đơn vị được giám sát.

- Khảo sát một số thôn xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Đối tượng giám sát:

- Giám sát xã nông thôn mới nâng cao đối với Ủy ban nhân dân các xã Đồng Thái, An Hồng, Đặng Cương, Nam Sơn.

- Giám sát thôn xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu đối với:

+ Thôn Tự lập, thôn Hòa Nhất, thôn Đồng Quang, thôn Chiến Thắng (xã Đặng Cương)

+ Thôn Văn Phong (Đồng Thái)

+ Thôn Phạm Dũng, thôn Khánh Thịnh, thôn Lê Sáng, thôn Tất Xứng (An Hồng)

+ Thôn Mỹ Tranh (Nam Sơn)

+ Thôn Đông Hải, thôn Đoài (An Hưng)

+ Thôn Phú La (An Hòa)

+ Thôn Hoàng Lâu 1, thôn Hoàng Lâu 2 (Hồng Phong)

- + Thôn Đông, thôn Giữa (Lê Lợi)
- + Thôn 4 (Bắc Sơn)
- + Thôn Phú Xá (Lê Thiện)
- + Thôn Tân Thanh (xã Đại Bản)
- + Thôn Nhu Kiều (Quốc Tuấn)
- + Thôn Kiều Trung (Hồng Thái)
- + Thôn An Dương (An Đông)
- + Thôn 1 Do Nha (Tân Tiến)

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Thành viên Đoàn giám sát (*theo Quyết định thành lập Đoàn giám sát*)
2. Đại biểu mời dự:

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Đại diện các đơn vị: Phòng Nông nghiệp&PTNT, Kinh tế và Hạ tầng, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin, Lao động - TB&XH, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Văn phòng, Tài chính - Kế hoạch, Chi cục thống kê, Công an, Ban chỉ huy quân sự huyện.
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn được giám sát.
- Phóng viên Đài phát thanh huyện (dự và đưa tin).

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

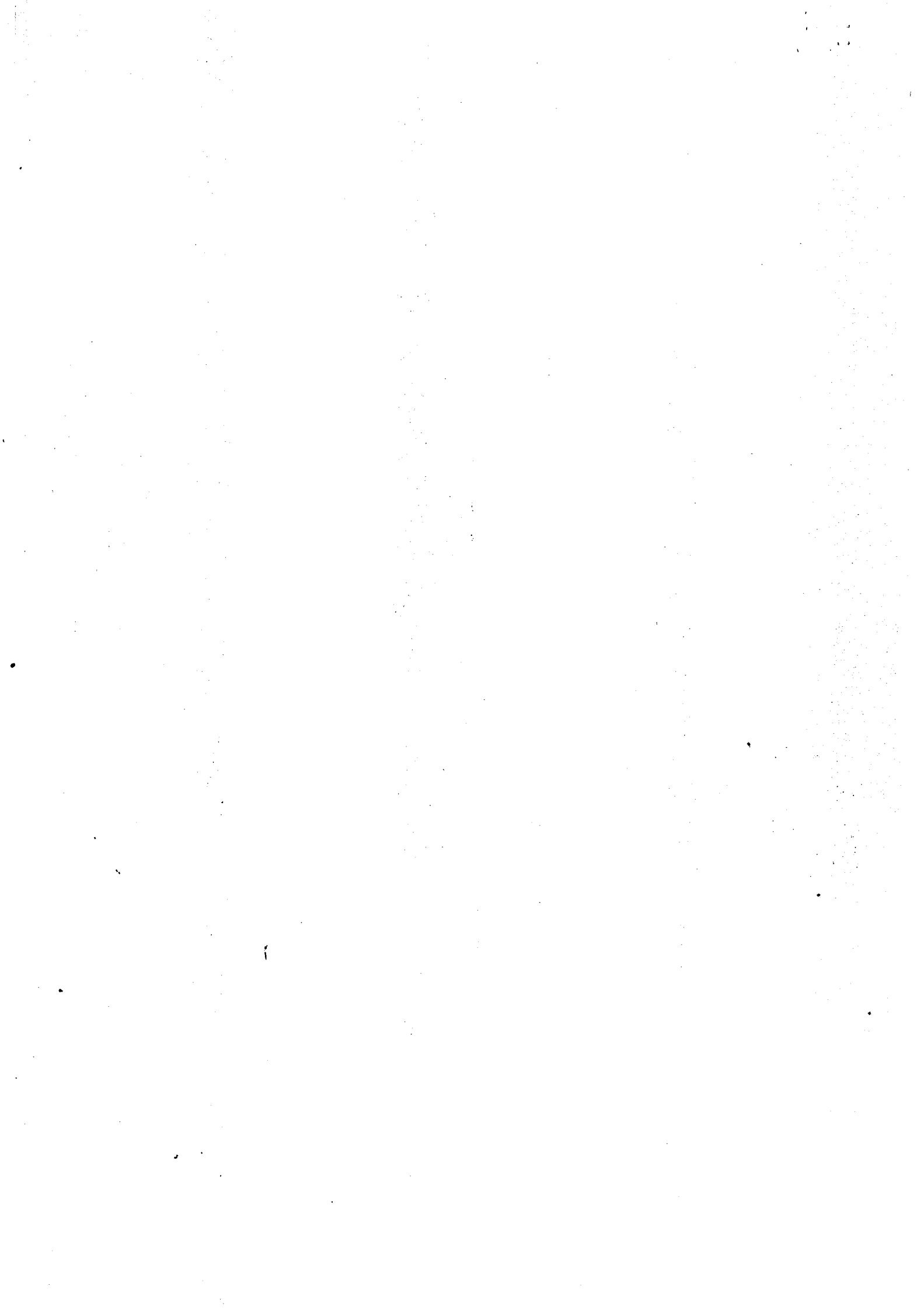
1. Ngày **20/8/2019**, Thường trực HĐND huyện tổ chức hội nghị triển khai Quyết định, kế hoạch giám sát; hướng dẫn xây dựng báo cáo giám sát.
2. UBND các xã, các thôn được giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương của Đoàn và gửi về Thường trực HĐND huyện qua Văn phòng huyện **trước ngày 10/9/2019**.
3. **Từ ngày 10/9/2019 đến ngày 10/10/2019** tổng hợp báo cáo giám sát và làm việc với các đơn vị được giám sát và khảo sát thực tế (*có thông báo riêng*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện là đơn vị thường trực giúp Đoàn giám sát triển khai nội dung giám sát; tham gia vào tổng hợp báo cáo kết quả giám sát và dự thảo thông báo kết luận giám sát.
2. Các thành viên Đoàn giám sát có trách nhiệm bố trí thời gian để tham gia đầy đủ các buổi làm việc của Đoàn theo kế hoạch, chủ động nghiên cứu tài liệu và tham gia ý kiến tại các buổi làm việc.
3. Văn phòng huyện phát hành giấy mời, mời thành phần dự các buổi làm việc của Đoàn giám sát. Phân công cán bộ, chuyên viên tổng hợp nội dung các buổi làm việc của Đoàn giám sát (ghi biên bản làm việc); dự thảo báo cáo kết quả và thông báo kết luận giám sát; đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động của Đoàn giám sát theo quy định.
4. Đơn vị được khảo sát, giám sát báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đề cương, đồng thời gửi báo cáo file điện tử đến địa chỉ

email: phamthithuy02@haiphong.gov.vn trước ngày 10/9/2019, bố trí địa điểm, thành phần làm việc theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

Thường trực HĐND huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu, chủ động phối hợp để Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ./.

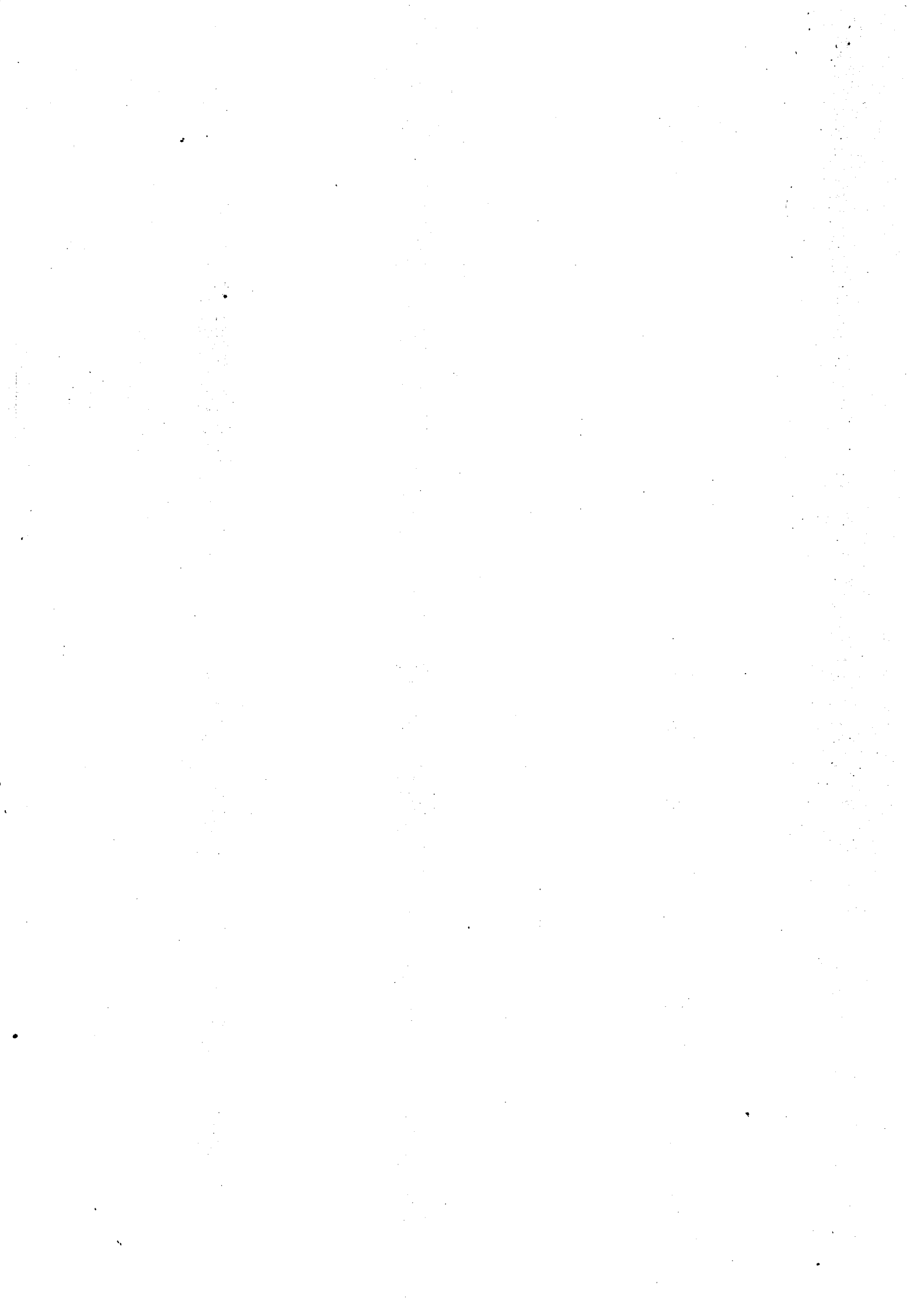


BIỂU TỔNG HỢP
Kết quả xây dựng xã nông thôn mới nâng cao
Xã:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định	Kết quả	Tự đánh giá (Đạt/chưa đạt)
I. Lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội					
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường ngõ xóm được bê tông hóa hoặc cứng hóa	100%		
		1.2. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa	100%		
		1.3. Tỷ lệ km đường trục xã đảm bảo “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”	≥80%		
		1.4. Tỷ lệ km trục thôn, đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”	≥70%		
		1.5. Tất cả các tuyến đường giao thông được duy tu, bảo trì thường xuyên đảm bảo an toàn giao thông	Đạt		
2	Thủy lợi	Hệ thống công trình thủy lợi được duy tu, bảo trì thường xuyên, đảm bảo hiệu quả sử dụng	Đạt		
3	Điện	3.1. Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho cụm công nghiệp; khu làng nghề, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được duyệt	≥85%		
		3.2. Hệ thống điện được duy tu, bảo trì thường xuyên đảm bảo nguồn điện cung cấp và an toàn hành lang lưới điện	Đạt		
4	Trường học	Trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được duy tu, bảo trì thường xuyên đảm bảo cơ sở vật vật và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đạt		
5	Cơ sở vật chất văn hóa	Nhà văn hóa - Khu thể thao được duy tu, bảo trì thường xuyên; trồng cây xanh, cây bóng mát kết hợp trồng hoa hoặc cây khác phù hợp với cảnh quan, đảm bảo hài hòa, sạch đẹp	Đạt		
6	Nhà ở dân cư	6.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	≥95%		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở và công trình phụ trợ sân, vườn, tường bao (hàng rào), cổng đảm bảo gọn gàng, sạch, đẹp	≥70%		
II. Lĩnh vực phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân					
7	Sản xuất	7.1. Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 có hiệu quả	Đạt		
		7.2. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đạt		

8	Lao động	8.1. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥95%		
		8.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥65%		
9	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)	Năm 2018	45	
			Năm 2019	50	
			Năm 2020	55	
10	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	≤1%		
III Lĩnh vực Giáo dục - Y tế - Văn hóa					
11	Giáo dục	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt		
12	Y tế	12.1. Trạm Y tế xã đảm bảo cung cấp thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã. Thực hiện đảm bảo chức năng, nhiệm vụ theo quy định	Đạt		
		12.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt		
13	Văn hóa	13.1. Hệ thống thiết chế văn hóa xã, thôn thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, học tập cộng đồng... với hình thức phong phú; chất lượng đảm bảo, thu hút số lượng lớn người dân tham gia	Đạt		
		13.2. Thành lập và duy trì các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt		
IV Lĩnh vực môi trường					
14	Môi trường	14.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	≥95%		
		14.2. Có tổ chức, đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo quy định từ 85% trở lên	Đạt		
		14.3. Hàng tháng tổ chức dọn dẹp vệ sinh chung toàn xã: Quét dọn đường giao thông, nơi công cộng; cắt tỉa cây xanh, cắt cỏ dại ven đường và nơi công cộng, vớt rác, khơi thông rãnh thoát nước, kênh, mương	Đạt		
		14.4. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	100%		
		14.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	90%		
V Lĩnh vực quốc phòng - an ninh trật tự - hành chính công					
15	Quốc phòng	Xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng dân quân. Hoàn thành các tiêu chí quốc phòng	Đạt		
16	An ninh, trật tự xã hội	Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt		

17	Hành chính công	17.1. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt		
		17.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt		



ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG BÁO CÁO
Kết quả xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu
(Đối với các xã xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **05/QĐ-HĐND**, ngày **14/8/2019**
của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện)

I. Khái quát tình hình triển khai thực hiện

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc ban hành kế hoạch thực hiện, huy động nguồn lực, xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất, thanh quyết toán nguồn vốn...; phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra ...

- Các văn bản đã ban hành, các hội nghị sơ kết đánh giá.

- Đánh giá chung những thuận lợi và khó khăn. Xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Công tác tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu (số cuộc, số lượt, hình thức, nội dung tuyên truyền, vận động, số người tham gia...).

- Đánh giá kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, vận động (kết quả thay đổi nhận thức trong từng cán bộ, đảng viên và người dân trong xây dựng nông thôn mới); những thuận lợi và khó khăn, hạn chế. Xác định nguyên nhân và có đề xuất giải pháp khắc phục.

3. Kết quả huy động nguồn lực

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí

1. Tiêu chí số 1 về Đường giao thông

2. Tiêu chí số 2 về Nhà ở hộ gia đình

3. Tiêu chí số 3 về Sản xuất - Thu nhập

4. Tiêu chí số 4 về Văn hóa - Thể thao

5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục - Y tế

6. Tiêu chí số 6 về Vệ sinh môi trường

Đối với mỗi nội dung tiêu chí cần đánh giá cụ thể:

- Kết quả triển khai thực hiện

- Đánh giá thực trạng và so sánh với tiêu chí đặt ra

+ Những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện.

+ Nguyên nhân tồn tại, yếu kém (nguyên nhân chủ quan và khách quan).

+ Đề xuất, kiến nghị.

- Đánh giá (đạt/không đạt) (*Chi tiết theo biểu gửi kèm*)

III. Kiến nghị, đề xuất



BIỂU TỔNG HỢP

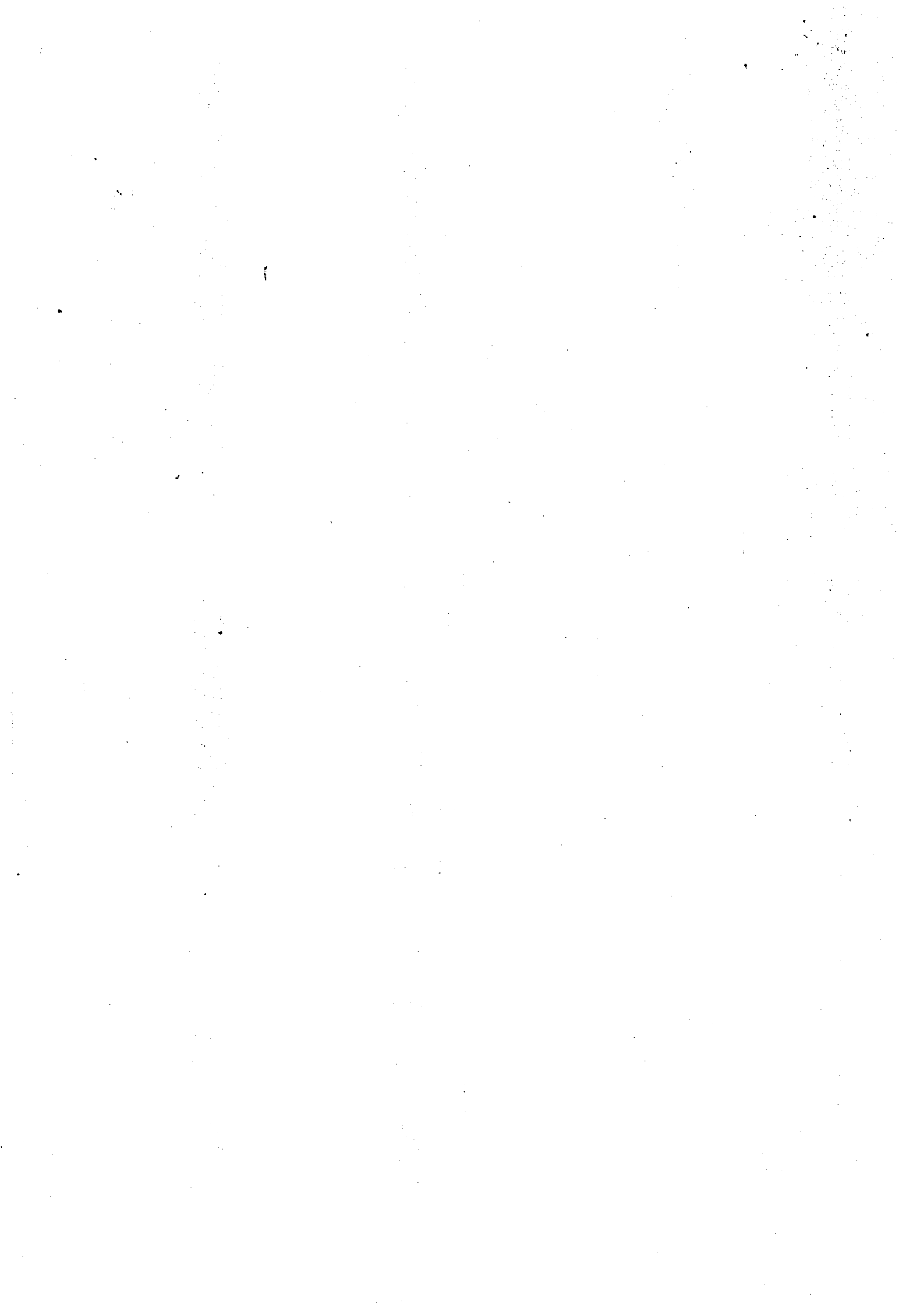
Kết quả xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Thôn:.....Xã:

TT	Nội dung	Quy định	Kết quả	Tự đánh giá (Đạt/chưa đạt)
1	Tiêu chí đường giao thông			
a	Đường trục thôn			
	Mặt đường trải nhựa hoặc bê tông, rộng tối thiểu 3,5m	100%km/.....km (.....%)	
	Mặt đường sạch, không lầy lội, không ú đọng nước	100%km/.....km (.....%)	
	Có hệ thống điện chiếu sáng	100%km/.....km (.....%)	
	Có biển báo giao thông đầu và cuối các tuyến đường	Đạtbiển báo/.....tuyến	
	Tỷ lệ đường có cây xanh, cây bóng mát kết hợp trồng hoa	70%km/.....km (.....%)	
	Có tổ tự quản	Đạttổ/.....tuyến (đoạn)	
b	Đường ngõ xóm			
	Mặt đường được cứng hóa	100%km/.....km (.....%)	
	Mặt đường sạch, không lầy lội, không ú đọng nước	100%km/.....km (.....%)	
	Có hệ thống điện chiếu sáng	80%km/.....km (.....%)	
2	Tiêu chí Nhà ở hộ gia đình			
	Nhà cửa, sân sạch sẽ, đồ đạc gọn gàng, ngăn nắp	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
	Có nước máy sử dụng	100%hộ/.....hộ (.....%)	
	Nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh	100%hộ/.....hộ (.....%)	
	Hộ chăn nuôi không nuôi nhốt gia súc, gia cầm quá gần nơi ở của gia đình	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
	Nơi đun nấu, nồi, xoong, bát, đĩa, dụng cụ, đồ đựng thức ăn luôn sạch sẽ, hợp vệ sinh; có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn; sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
	Hộ đã cải tạo, chỉnh trang vườn đảm bảo gọn gàng, hợp lý, không để đất trống, vườn tạp, cỏ dại	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
	Rác thải sinh hoạt của hộ gia đình được để gọn vào dụng cụ chứa đựng, không vứt tràn lan	Đạt		

	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia cuộc vận động “5 không 3 sạch” của Hội liên hiệp phụ nữ	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
	Hàng rào (tường bao) của các hộ gia đình được cải tạo, chỉnh tra đảm bảo gọn, đẹp, hài hòa	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
3	Tiêu chí Sản xuất - Thu nhập			
	Có nhóm hộ tổ chức sản xuất tập trung	Đạt	Tên nhóm..... (Tổ..... HTX.....)	
	Có liên kết tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Tên loại hình liên kết	
	Thu nhập bình quân đầu người của thôn/ thu nhập bình quân đầu người của xã	1,2 lần trđ/....trđ (.....lần)	
4	Tiêu chí Văn hóa - Thể thao			
	Quy mô xây dựng nhà văn hóa đảm bảo theo quy định	Đạt	Diện tích....m ² Chỗ ngồi.....	
	Quy mô xây dựng khu thể thao đảm bảo theo quy định	Đạt	Diện tích....m ²	
	Trang thiết bị của hội trường nhà văn hóa đảm bảo theo quy định	Đạt	các trang thiết bị chính.....	
	Dụng cụ thể thao đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động thể dục thể thao của nhân dân	Đạt	Các dụng cụ thể thao chính....	
	Có câu lạc bộ văn hóa văn nghệ	Đạt	Tên câu lạc bộ....	
	Có câu lạc bộ thể dục thể thao	Đạt	Tên câu lạc bộ....	
	Có quy chế và kế hoạch hoạt động	Đạt		
	Thôn được công nhận thôn văn hóa	Đạt	Quyết định công nhận	
	Có hương ước được phê duyệt và tổ chức thực hiện	Đạt		
5	Tiêu chí Giáo dục - Y tế			
	Có quỹ khuyến học	Đạt		
	Hàng năm có các hoạt động khen thưởng, động viên học sinh có thành tích cao trong học tập, học sinh có hoàn cảnh khó khăn...	Đạt		
	Hàng năm có các hoạt động tuyên dương, khen thưởng gương người tốt, việc tốt...	Đạt		
	Có tối thiểu 1 nhân viên y tế thôn được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định	Đạt	Tên nhân viên y tế	
	Nhân viên y tế thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Đạt	Các hoạt động chính	
6	Tiêu chí Vệ sinh môi trường			
	Có tổ chức đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn	Đạt	Tên đơn vị.....	
	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường do đơn vị thu gom, xử lý thực hiện	100%hộ/.....hộ (.....%)	
	Có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu tiêu, thoát nước	Đạtkm	

Có điểm thu gom và xử lý nước thải phù hợp trước khi đổ vào các kênh mương, sông, hồ	Đạt điểm	
Tỷ lệ nước thải của hộ gia đình được thu gom	100%		
Điểm gom rác (nếu có) đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	... điểm/... điểm	
Các hộ dân có bản cam kết và không xả chất thải, nước thải ô nhiễm ra môi trường, đặc biệt là nước thải chăn nuôi chưa xử lý	Đạthộ/.....hộ (.....%)	
Có quy định về vệ sinh môi trường	Đạt	Quy định riêng hoặc quy định trong hương ước của thôn	
Hàng tháng tổ chức dọn dẹp vệ sinh chung toàn thôn	Đạt	Ngày tổ chức thực hiện.....	



Số: 2154/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao
thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020.

Căn cứ Văn bản số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 133/TTr-SNN ngày 20/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phải đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố).

2. Các xã đã được công nhận đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.



Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao để các xã đạt chuẩn nông thôn mới làm cơ sở để tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt, đảm bảo tính bền vững và phát triển ở mức cao hơn.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao chỉ xác định những tiêu chí, chỉ tiêu mới hoặc yêu cầu đạt ở mức độ cao hơn, không lặp lại các tiêu chí và các chỉ tiêu không thay đổi trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đã ban hành theo Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ngoài việc đạt được các tiêu chí, chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí này, phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí và chỉ tiêu khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Giao các Sở, ngành thành phố liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá và thẩm định mức độ hoàn thành tiêu chí của các xã, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố giai đoạn 2016-2020 (qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới thành phố để tổng hợp).

3. Giao Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới thành phố đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố kết quả thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, xã có trách nhiệm căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020 ban hành tại Quyết định này và hướng dẫn của các Sở, ngành liên quan để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

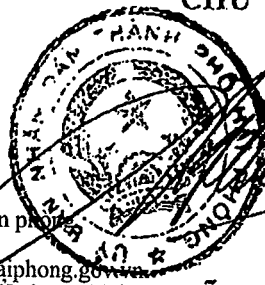
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, xã căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Thành viên BCD các CT MTQG TP;
- Như Điều 4;
- Các Phòng: NNTNMT, KTGS&TĐKT, KSTTHC;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Ký bởi: Văn phòng
Email: vpUBND@haiphong.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân
thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 04.09.2018
15:04:12 +07:00

Nguyễn Văn Tùng



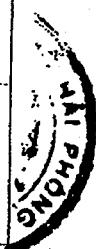
**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI
PHÒNG GIAI ĐOẠN 2018-2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2154/QĐ-UBND** ngày **04/9/2018**
của Ủy ban nhân dân thành phố

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đánh giá, thẩm định
I	Lĩnh vực Hạ tầng kinh tế - xã hội			
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường ngõ xóm được bê tông hóa hoặc cứng hóa.	100%	Sở Giao thông vận tải
		1.2. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa.	100%	
		1.3. Tỷ lệ km đường trục xã đảm bảo "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp".	≥ 80%	
		1.4. Tỷ lệ km trục thôn, đường ngõ xóm đảm bảo "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp".	≥ 70%	
		1.5. Tất cả các tuyến đường giao thông được duy tu, bảo trì thường xuyên đảm bảo an toàn giao thông.	Đạt	
2	Thủy lợi	Hệ thống công trình thủy lợi được duy tu, bảo trì thường xuyên, đảm bảo hiệu quả sử dụng.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Điện	3.1. Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho cụm công nghiệp; khu làng nghề, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được duyệt.	≥ 85%	Sở Công Thương
		3.2. Hệ thống điện được duy tu, bảo trì thường xuyên đảm bảo nguồn điện cung cấp và an toàn hành lang lưới điện.	Đạt	
4	Trường học	Trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được duy tu, bảo trì thường xuyên đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Cơ sở vật chất văn hóa	Nhà văn hóa - Khu thể thao được duy tu, bảo trì thường xuyên; trồng cây xanh, cây bóng mát kết hợp trồng hoa hoặc cây khác phù hợp với cảnh quan, đảm bảo hài hòa, sạch, đẹp.	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
6	Nhà ở dân cư	6.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	≥ 95%	Sở Xây dựng
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở và công trình phụ trợ sân, vườn, tường bao (hàng rào), cổng đảm bảo gọn gàng, sạch, đẹp.	≥ 70%	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đánh giá, thẩm định	
II Lĩnh vực Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân					
7	Sản xuất	7.1. Hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã 2012 có hiệu quả.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
		7.2. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã phù hợp với định hướng tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp.	Đạt		
		7.3. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực.	Đạt		
8	Lao động	8.1. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 95%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
		8.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 65%		
9	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)	Năm 2018	45	Cục Thống kê
			Năm 2019	50	
			Năm 2020	55	
10	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	≤ 1%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
III Lĩnh vực Giáo dục - Y tế - Văn hóa					
11	Giáo dục	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	
12	Y tế	12.1. Trạm y tế xã đảm bảo cung cấp thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã. Thực hiện đảm bảo chức năng, nhiệm vụ theo quy định.	Đạt	Sở Y tế	
		12.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	Đạt		
13	Văn hóa	13.1. Hệ thống thiết chế văn hóa xã, thôn thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, học tập cộng đồng... với hình thức phong phú, chất lượng đảm bảo, thu hút số lượng lớn người dân tham gia.	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao	
		13.2. Thành lập và duy trì các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt		

1

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đánh giá, thẩm định
IV Lĩnh vực Môi trường				
14	Môi trường	14.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch.	≥ 95%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		14.2. Có tổ chức, đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo quy định từ 85% trở lên.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		14.3. Hàng tháng tổ chức dọn dẹp vệ sinh chung toàn xã: quét dọn đường giao thông, nơi công cộng; cắt tỉa cây xanh, cắt cỏ đại ven đường và nơi công cộng; vớt rác, khơi thông rãnh thoát nước, kênh, mương.	Đạt	
		14.4. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	100%	
		14.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	90%	
V Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh trật tự - Hành chính công				
15	Quốc phòng	Xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân quân. Hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố
16	An ninh, trật tự xã hội	Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an thành phố
17	Hành chính công	17.1. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.	Đạt	Văn phòng UBND TP
		17.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Sở Nội vụ



k

Số: 809 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu
thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành Hải Phòng giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 58/TTr-SNN ngày 04/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, xã căn cứ tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu ban hành theo quyết định này và hướng dẫn của các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận thôn đạt tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.



3. Giao Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới thành phố tổ chức khảo sát, hướng dẫn các huyện lựa chọn thôn để triển khai xây dựng Thôn nông thôn mới kiểu mẫu; kiểm tra, đôn đốc thực hiện và hướng dẫn quy trình đánh giá, xét, công nhận Thôn nông thôn mới kiểu mẫu các địa phương.

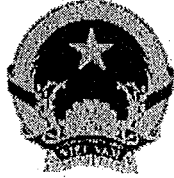
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, xã căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG TP;
- Như Điều 3;
- CPVP;
- Các Phòng: NNTNMT, KTGS&TĐKT;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Ký bởi: Văn phòng
Email: vpubnd@haiphong.gov.vn
Nguyễn Văn Tùng
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân
thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 19.04.2018
14:49:54 +07:00

TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 803 /QĐ-UBND ngày 19 /4/2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Thôn đạt chuẩn Thôn nông thôn mới khi đảm bảo:

1. Thôn thuộc xã đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới.
2. Có các tiêu chí sau đạt chuẩn:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	1.1. Đường trục thôn: Mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; đảm bảo thoát nước mặt; có hệ thống điện chiếu sáng; lề đường trồng cây xanh kết hợp trồng hoa bồn hoặc hoa thảm hoặc cây khác tạo cảnh quan đẹp.	Đạt
		1.2. Đường ngõ xóm: Mặt đường được cứng hóa; đảm bảo thoát nước mặt; có hệ thống điện chiếu sáng; cảnh quan hài hòa, sạch, đẹp.	Đạt
2	Nhà ở hộ gia đình	Nhà ở và công trình phụ trợ, sân, vườn, tường bao (hàng rào), công gọn gàng, sạch đẹp.	Đạt
3	Sản xuất - Thu nhập	3.1. Có nhóm hộ tổ chức sản xuất tập trung (nhóm, tổ hợp tác, hợp tác xã ...), có liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Đạt
		3.2. Thu nhập bình quân đầu người của thôn cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã.	Đạt
4	Văn hóa - Thể thao	4.1. Nhà văn hóa - khu thể thao thôn cơ bản đảm bảo quy mô xây dựng, trang thiết bị hoạt động.	Đạt
		4.2. Có câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động. Thường xuyên có các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao thu hút người dân tham gia.	Đạt
		4.3. Thôn được công nhận "Thôn văn hóa", có hương ước đã được phê duyệt và tổ chức thực hiện.	Đạt
5	Giáo dục - Y tế	5.1. Có quỹ khuyến học của thôn và có các hoạt động khen thưởng, động viên cho học sinh có thành tích cao trong học tập, những học sinh có hoàn cảnh khó khăn ...	Đạt
		5.2. Có hoạt động tuyên dương, khen thưởng gương người tốt, việc tốt, dòng họ, gia đình gương mẫu ...	Đạt
		5.3. Có nhân viên y tế thôn được đào tạo theo chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Đạt
6	Vệ sinh môi trường	6.1. Có tổ chức, đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.	Đạt



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		6.2. Có hệ thống thoát nước thải chung, điểm thu gom rác (nếu có) đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt
		6.3. Các hộ dân không xả chất thải, nước thải ô nhiễm ra môi trường.	Đạt
		6.4. Có quy định về vệ sinh môi trường.	Đạt
		6.5. Hàng tháng tổ chức dọn dẹp vệ sinh chung toàn thôn: quét dọn đường thôn, ngõ xóm, nơi công cộng; cắt tỉa cây xanh, cắt cỏ dại ven đường và nơi công cộng; vớt rác, khơi thông rãnh thoát nước, kênh, mương	Đạt